

Số: 104/2014/CV

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả SXKD trước và sau kiểm toán

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2014 trước kiểm toán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

Công ty Cổ phần Vinavico xin giải trình về việc chênh lệch kết quả SXKD trước và sau kiểm toán. Công ty xin có giải trình về số chênh lệch như sau:

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	Chi phí tài chính	457.514.845	119.541.768	(337.973.077)	-Điều chỉnh lại các bút toán đã trích lập của trả trước người bán 2014: 3.443.832 đ -Hạch toán điều chỉnh chi phí lãi vay giảm vào phần nợ gốc món vay ngắn hạn: 264.240 đ -Hạch toán bổ sung chi phí lãi vay dự trả : 8.961.970 đ -Hạch toán chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của TGNH :6.560.681 đ -Hủy bt đánh giá 2 lần : (357.203.800) đ



2	Doanh thu hoạt động tài chính	323.989.251	333.346.272	9.357.021	-Kết chuyển CLTG chưa thực hiện: 9.357.021 đ
3	Chi phí bán hàng	306.323.307	174.770.446	(131.552.861)	-Phân loại lại Cp : (130.076.434) đ -Điều chỉnh hạch toán 2 lần phí LC : (1.477.694) đ -Hạch toán bổ sung Cp : 1.267 đ
4	Giá vốn hàng bán	6.921.640.632	7.297.366.509	375.725.877	- Bổ sung Cp man 397 : 133.703.442 đ -Phân loại lại CP : 130.076.434 đ -Bổ sung Cp AH :40.803.667 đ -Bổ sung CP time : 71.143.334 đ
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.922.548.926	3.906.254.603	(16.294.323)	-Điều chỉnh giảm thù lao: (3.000.000) đ -Điều chỉnh do trích thừa: (15.000.000) đ -Đ/c giảm Cp do không có hóa đơn: (8.850.000) đ -Bổ sung CP khấu hao :10.555.677 đ
6	Lợi nhuận trước thuế	(1.902.433.238)	(1.749.381.678)	119.451.405	Do các nguyên nhân trên

Trên đây là toàn bộ giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2014 trước và sau kiểm toán.

Công ty cổ Vinavico kính trình Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Hà Nội

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Hồng Bằng



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinavico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ và vốn điều lệ từ 30.000.000.000 VND thành 96.543.810.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%
Cộng	96.543.810.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04.37.573.879
Fax : 04.37.573.880
E-mail : vinavicogroup@hn.vnn.vn
Mã số thuế : 0101910492

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013 là:

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý tà biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Dịch vụ logistic).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 10 năm 2012	
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	
Ông Trần Trọng Huy	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	Ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thạch Quý	Ủy viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Ngày 07 tháng 5 năm 2012	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2006	
Ông Mai Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2013	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

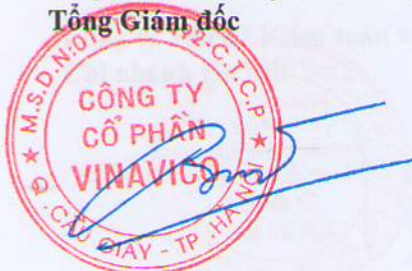
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

Ngày 13 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 353/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

**Kính gửi: CÁC CỖ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Vinavico gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.646.199.013	49.873.096.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.483.367	1.302.092.374
1. Tiền	111		35.483.367	1.302.092.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.159.525	241.159.525
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(61.165.530)	(61.165.530)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.295.661.330	21.104.858.619
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	19.525.213.434	18.352.045.956
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.157.859.556	3.381.881.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	4.207.789.090	3.895.289.090
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.595.200.750)	(4.524.358.065)
IV. Hàng tồn kho	140		17.433.366.026	15.547.630.178
1. Hàng tồn kho	141	V.8	17.433.366.026	15.547.630.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.640.528.765	11.677.356.150
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	153.563.303	188.718.369
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.055.947.339	2.398.876.386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	7.431.018.123	9.089.761.395

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.082.571.203	87.366.059.126
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.014.233.302	59.908.148.299
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	26.764.270.076	28.284.772.433
<i>Nguyên giá</i>	222		35.128.395.738	35.128.395.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.364.125.662)	(6.843.623.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.276.655	21.416.657
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(35.123.345)	(29.983.343)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	33.233.686.571	31.601.959.209
III. Bất động sản đầu tư	240			
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.122.948.226	14.122.939.926
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	10.335.397.909	7.335.397.909
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	9.421.709.085	9.421.709.085
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(2.634.158.768)	(2.634.167.068)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.945.389.675	13.334.970.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	12.945.389.675	13.334.970.901
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.728.770.216	137.239.155.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.444.796.171	40.205.800.249
I. Nợ ngắn hạn	310		43.275.316.171	39.524.293.340
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	1.886.996.974	2.179.278.008
2. Phải trả người bán	312	V.19	31.564.024.025	31.672.900.711
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	6.664.121.372	2.417.097.122
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	1.920.611.673	2.111.911.255
5. Phải trả người lao động	315		633.253.269	521.228.974
6. Chi phí phải trả	316	V.22	246.274.472	167.099.777
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	598.703.388	646.646.495
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	(238.669.002)	(191.869.002)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		169.480.000	681.506.909
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		84.500.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	84.980.000	681.506.909
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.283.974.045	97.033.355.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	95.283.974.045	97.033.355.723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	96.543.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		807.672.120	807.672.120
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		724.415.361	724.415.361
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.403.953.436)	(5.654.571.758)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.728.770.216	137.239.155.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		628,45	34.065,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huế

Mai Hồng Bàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.443.482.709	12.046.964.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		61.877.488	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	9.381.605.221	12.046.964.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.297.366.509	10.134.675.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.084.238.712	1.912.289.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	333.346.272	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	119.541.768	(
Trong đó: chi phí lãi vay	23		95.167.982	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	174.770.446	450.557.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.906.254.603	2.683.477.229
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.782.981.833)	1.187.080.770
11. Thu nhập khác	31	VI.7	33.600.155	2.534.543.267
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	3.611.251.988
13. Lợi nhuận khác	40		33.600.155	(1.076.708.721)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.749.381.678)	110.372.049
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.749.381.678)	110.372.049
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(183)	12

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Mai Hồng Bàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.749.381.678)	110.372.049
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V11,12	1.525.642.359	1.463.216.154
- Các khoản dự phòng	03		2.070.834.385	(1.703.279.720)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(279.341.345)	290.226.715
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(312.500.000)	736.521.911
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	95.167.982	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.350.421.703	897.057.109
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.827.347	3.777.462.662
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.885.735.848)	(3.144.649.515)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.989.241.150	(1.021.938.774)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		424.736.292	261.128.703
- Tiền lãi vay đã trả	13		(94.923.124)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(200.000.000)	(150.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		169.000.000	102.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(131.300.000)	(110.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.657.267.520	611.460.185
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.631.727.362)	(1.929.736.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.326.204.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	400.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(3.000.000.000)	(845.521.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	298.384.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.631.727.362)	(150.668.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33 V.18	3.204.812.974	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.18	(3.497.094.008)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(292.281.034)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.266.740.876)	460.791.785
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	1.302.092.374	4.130.978.162
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	131.869	19.762.432
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	35.483.367	4.611.532.379

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc

Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huế

Mai Hồng Bàng



CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác khoáng sản, thương mại, xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 36 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2014 : 21.301,8 VND/USD
31/12/2013 : 21.082 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.667.155	13.592.240
Tiền gửi ngân hàng	28.816.212	1.288.500.134
Cộng	35.483.367	1.302.092.374

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		302.325.055		302.325.055
- Công ty Cổ phần xi măng Xây dựng Quảng Ninh	24	665.055	24	665.055
- Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt Nam	23.900	301.660.000	23.900	301.660.000
Cộng		302.325.055		302.325.055

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(61.165.530)	(61.165.530)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	(61.165.530)	(61.165.530)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	61.165.530	235.274.818
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.402.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(19.124.163)
Số cuối kỳ	61.165.530	218.552.655

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng thương mại	7.845.635.409	13.065.418.845
Phải thu khách hàng xây lắp	11.679.578.025	5.286.627.111
Cộng	19.525.213.434	18.352.045.956

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán thương mại	2.297.272.170	2.855.092.139
Trả trước cho người bán xây lắp	1.784.387.386	526.789.499
Trả trước cho người bán khác	76.200.000	-
Cộng	4.157.859.556	3.381.881.638

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hỗ trợ tài chính	3.618.495.390	3.618.495.390
Phải thu tiền hỗ trợ làm giấy đăng ký thai thác mỏ	200.000.000	200.000.000
Phải thu tiền cổ tức	385.040.200	72.540.200
Phải thu khác	4.253.500	4.253.500
Cộng	4.207.789.090	3.895.289.090

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(6.595.200.750)	(4.524.358.065)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	(1.175.566.907)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.917.212.308)	(2.575.937.684)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(4.014.327.670)	(193.324.442)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(663.660.772)	(579.529.032)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(6.595.200.750)	(4.524.358.065)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.524.358.065	3.467.002.526
Trích lập dự phòng bổ sung	2.070.842.685	686.205.243
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	6.595.200.750	4.153.207.769

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	352.848.174	278.483.941
Công cụ, dụng cụ	74.037.305	148.074.611
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.436.613.071	2.384.753.918
Thành phẩm	11.475.558.813	11.497.717.255
Hàng hóa	1.048.536.956	1.192.828.746
Hàng gửi đi bán	45.771.707	45.771.707
Cộng	17.433.366.026	15.547.630.178

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	38.729.541	44.521.123
Chi phí Bảo hiểm	8.513.397	23.476.493
Chi phí sửa chữa	20.717.881	58.412.150
Chi phí thuê nhà	64.171.134	-
Chi phí vận chuyển	-	26.800.000
Chi phí khác	21.431.350	35.508.603
Cộng	153.563.303	188.718.369

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7.381.018.123	9.039.761.395
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Cộng	7.431.018.123	9.089.761.395

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.285.143.621	11.324.995.471	4.457.311.192	60.945.454	35.128.395.738
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	19.285.143.621	11.324.995.471	4.457.311.192	60.945.454	35.128.395.738
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	87.500.000	-	-	87.500.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.028.329.072	3.853.828.692	1.914.675.168	46.790.373	6.843.623.305
Tăng do khấu hao trong kỳ	518.108.736	740.356.038	255.943.035	6.094.548	1.520.502.357
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.546.437.808	4.594.184.730	2.170.618.203	52.884.921	8.364.125.662
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	18.256.814.549	7.471.166.779	2.542.636.024	14.155.081	28.284.772.433
Số cuối kỳ	17.738.705.813	6.730.810.741	2.286.692.989	8.060.533	26.764.270.076
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.811.113.455 VND và 1.086.668.076 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nguyên giá	51.400.000	-	-	51.400.000
Giá trị hao mòn	(29.983.343)	(5.140.002)	-	(35.123.345)
Giá trị còn lại	<u>21.416.657</u>	<u>(5.140.002)</u>	<u>-</u>	<u>16.276.655</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	5.655.870.978	211.095.845	-	5.866.966.823
Cần trục tháp 2984	2.970.613.689	-	-	2.970.613.689
Cần trục tháp 2987	2.685.257.289	-	-	2.685.257.289
Máy đo kích cỡ hạt lazer	-	211.095.845	-	211.095.845
XDCB dở dang	25.946.088.231	1.420.631.517	-	27.366.719.748
Mỏ đá Khau Ca - Yên Bái (i)	22.095.830.699	-	-	22.095.830.699
Dự án nhà máy Nghiền bột	3.850.257.532	1.420.631.517	-	5.270.889.049
Cộng	<u>31.601.959.209</u>	<u>1.631.727.362</u>	<u>-</u>	<u>33.233.686.571</u>

- (i) Theo quyết định 600B/QĐ/VINA VICO-HĐQT ngày 27/12/2010, HĐQT công ty phê duyệt dự án khai thác đá hoa khu vực núi Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư của dự án là 53.429.360.440 VND trong thời gian 30 năm. Mỏ đá Khau Ca được hình thành thông qua việc góp vốn bằng quyền thăm dò mỏ với tổng số tiền 14,4 tỷ VND từ các năm trước của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác mỏ Vinavico. Ngoài ra chi phí xây dựng cơ bản dở dang mỏ đá này còn bao gồm tiền đền bù giải phóng mặt bằng, khoan thăm dò và các chi phí lương, vật tư và các chi phí khác liên quan. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa có giấy phép khai thác mỏ để đưa vào hoạt động.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone ⁽ⁱ⁾	7.335.397.909	7.335.397.909
Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-
Cộng	<u>10.335.397.909</u>	<u>7.335.397.909</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 14.602.091 VND.

- (ii) Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinavico ngày 12 tháng 5 năm 2014 thì Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú với số tiền là 14.700.000.000 VND (chiếm 49% vốn điều lệ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam	83	1.209.085	83	1.209.085
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam (*)	15.000	262.500.000	15.000	262.500.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	400.000	5.000.000.000	400.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	12.052	2.096.000.000	12.052	2.096.000.000
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	18.343	732.000.000	18.343	732.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
Cộng		9.421.709.085		9.421.709.085

(*) Cổ phiếu này đã hủy niêm yết ngày 20 tháng 12 năm 2013.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết	(976.685)	(984.985)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu hủy niêm yết	(111.224.483)	(111.224.483)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu khác (*)	(2.521.957.600)	(2.521.957.600)
Cộng	(2.634.158.768)	(2.634.167.068)

(*) Khoản dự phòng này được trích lập dựa trên xét đoán của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác nhau. Ban Tổng Giám đốc lưu ý rằng độ tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu dùng để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của các cổ phiếu này là chưa cao.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.634.167.068	5.795.757.900
Trích lập dự phòng bổ sung	-	43.094.700
Hoàn nhập dự phòng	(8.300)	(2.415.857.500)
Số cuối kỳ	2.634.158.768	3.422.995.100

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	276.341.101	61.071.000	143.597.115	193.814.986
Chi phí đăng ký tên miền	1.542.393	1.395.000	935.334	2.002.059
Chi phí đầu tư mở Thâm Thèn	12.910.836.074	-	219.971.028	12.690.865.046
Chi phí sửa chữa	33.333.339	-	33.333.339	-
Chi phí khác	112.917.994	-	54.210.410	58.707.584
Cộng	13.334.970.901	62.466.000	452.047.226	12.945.389.675

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.286.996.974	2.179.278.008
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	1.286.996.974	2.179.278.008
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	600.000.000	-
- Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Giải Pháp Việt (ii)	100.000.000	-
- Vay Ông Nguyễn Thành Bao (iii)	500.000.000	-
Cộng	1.886.996.974	2.179.278.008

- (i) Khoản vay tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng Xe ô tô Toyota Land Cruise Prado TX - L 2.7 L, biển kiểm soát số 30Z-8451.
- (ii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt theo lãi suất 9%/năm để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (iii) Khoản vay Ông Nguyễn Thành Bao theo lãi suất 10%/năm để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.179.278.008	1.924.812.974	2.817.094.008	1.286.996.974
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	1.280.000.000	680.000.000	600.000.000
Cộng	2.179.278.008	3.204.812.974	3.497.094.008	1.886.996.974

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán về lĩnh vực xây lắp	1.197.853.007	2.094.293.511
Phải trả người bán về lĩnh vực thương mại (*)	30.297.171.018	29.578.607.200
Phải trả người bán khác	69.000.000	-
Cộng	31.564.024.025	31.672.900.711

(*) Trong đó: Nợ phải trả cho những Hợp đồng mua máy móc thiết bị từ năm 2010 nhưng không liên lạc được với nhà cung cấp là 29.578.607.200 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây lắp	3.494.121.372	2.287.097.122
Người mua trả tiền trước lĩnh vực thương mại	40.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	3.130.000.000	130.000.000
Cộng	6.664.121.372	2.417.097.122

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	21.036.000	21.036.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.644.670	27.644.670	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	87.827.498	87.827.498	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.628.422.025	-	200.000.000	1.428.422.025
Thuế thu nhập cá nhân	483.489.230	8.700.418	-	492.189.648
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.923.500	1.923.500	-
Cộng	2.111.911.255	151.132.086	342.431.668	1.920.611.673

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.749.381.678)	110.372.049
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(209.097.670)	55.555.673
- Các khoản điều chỉnh tăng	103.410.630	55.555.673
Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ	6.129.849	-
Khấu hao của nhà cửa chưa có quyền sở hữu	59.725.104	-
Thù lao HĐQT không điều hành	27.000.000	45.000.000
Khấu hao ô tô tương ứng nguyên giá vượt 1,6 tỷ	10.555.677	10.555.673
- Các khoản điều chỉnh giảm	(312.508.300)	-
Cổ tức được nhận	(312.500.000)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC	(8.300)	-
Thu nhập chịu thuế	(1.958.479.348)	165.927.722
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(165.927.722)
Thu nhập tính thuế	(1.958.479.348)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	146.446.014	3.900.902
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	9.609.543	11.195.000
Chi phí lãi vay	8.961.970	8.717.112
Trích trước chi phí khác	81.256.945	143.286.763
Cộng	246.274.472	167.099.777

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	47.135.642	39.802.159
BHXH, BHYT, BHTN	21.821.000	200.451.427
Vay không tính lãi của Bà Nguyễn Thị Hoa	150.000.000	-
Cổ tức năm 2010	42.300.184	42.300.184
Phải trả CBCNV về hoàn ứng thừa của dự án	264.546.870	287.655.225
Phải trả về tiền thù lao HĐQT	42.900.000	45.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	29.999.692	31.437.500
Cộng	598.703.388	646.646.495

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	(178.753.828)	-	(178.753.828)
Quỹ phúc lợi	(38.394.174)	46.800.000	(85.194.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000	-	25.279.000
Cộng	(191.869.002)	46.800.000	(238.669.002)

25. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước của hợp đồng cung cấp và lắp đặt Đá tự nhiên	-	681.506.909
Doanh thu nhận trước của hợp đồng tư vấn	84.980.000	-
Cộng	84.980.000	681.506.909

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.982.242.962)	92.161.874.519
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.543.810.000	-	-	-	-	-	4.543.810.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	327.671.204	327.671.204
Số dư cuối năm trước	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.654.571.758)	97.033.355.723
Số dư đầu năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.654.571.758)	97.033.355.723
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(1.749.381.678)	(1.749.381.678)
Số dư cuối kỳ này	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(7.403.953.436)	95.283.974.045

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)		Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Mai Hồng Bàng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000		-	
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000		-	
Cộng	96.543.810.000	100,00%	96.543.810.000		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.654.381
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
- Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	9.443.482.709	12.046.964.712
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.711.745.160	4.225.647.759
- Doanh thu hoạt động xây dựng	5.562.497.549	7.821.316.953
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.240.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(61.877.488)	-
- Thuế xuất khẩu	(61.877.488)	-
Doanh thu thuần	9.381.605.221	12.046.964.712
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.649.867.672	4.225.647.759
- Doanh thu hoạt động xây dựng	5.562.497.549	7.821.316.953
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.240.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	2.775.178.206	4.019.087.311
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(b)	4.522.188.303	6.115.588.357
Cộng	7.297.366.509	10.134.675.668

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	56.843.077
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.038.623	11.641.310
Lãi tiền cho vay	-	7.066.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	312.500.000	234.474.916
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.467.445	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.340.204	-
Cộng	333.346.272	310.025.970

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	95.167.982	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.821.405	290.226.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.560.681	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(8.300)	(2.389.484.963)
Chi phí tài chính khác	-	458.171
Cộng	119.541.768	(2.098.800.077)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	103.940.646	215.560.739
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.670.317	19.572.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	7.162.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.061.736	172.884.447
Chi phí bằng tiền khác	40.097.747	35.376.903
Cộng	174.770.446	450.557.092

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	893.721.753	1.002.961.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.474.792	81.649.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	235.816.761	152.600.200
Thuế, phí và lệ phí	240.000	50.600
Chi phí dự phòng	2.070.842.685	686.205.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.909.071	563.976.394
Chi phí bằng tiền khác	139.249.541	196.033.646
Cộng	3.906.254.603	2.683.477.229

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.534.204.545
Thu nhập khác	33.600.155	338.722
Cộng	<u>33.600.155</u>	<u>2.534.543.267</u>

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	3.361.111.116
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	208.000.000
Chi phí khi thanh lý hợp đồng	-	40.600.000
Chi phí khác	-	1.540.872
Cộng	<u>-</u>	<u>3.611.251.988</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.749.381.678)	110.372.049
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.542.381	9.542.381
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(183)</u>	<u>12</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.542.381	9.542.381
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>9.542.381</u>	<u>9.542.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành		
Tạm ứng	148.021.610	123.145.000
Hoàn ứng	247.140.609	44.204.861

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban điều hành	1.282.988.017	2.279.793.796
Cộng nợ phải thu	1.282.988.017	2.279.793.796
Hội đồng quản trị	42.900.000	45.000.000
Cộng nợ phải trả	42.900.000	45.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	160.902.118	280.929.136
Thù lao	18.000.000	45.000.000
Cộng	178.902.118	325.929.136

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone		
Bán hàng cho VnStone	1.113.569.500	336.077.500
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công của VnStone	3.373.809.733	1.945.570.877
Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú		
Góp vốn vào An Phú	3.000.000.000	-
An Phú chuyển tiền mua kết quả thăm dò mỏ đá	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	5.622.294.420	6.642.676.679
Phải thu hỗ trợ dự án	4.253.500	4.253.500
Phải thu giá trị bán hàng và xây lắp	4.391.775.942	5.505.345.442
Trả trước tiền mua hàng	1.226.264.978	1.133.077.737
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	230.018.284	230.018.284
Phải thu giá trị xây lắp	30.018.284	30.018.284
Phải thu tiền hỗ trợ dự án	200.000.000	200.000.000
Cộng nợ phải thu	5.852.312.704	6.872.694.963
Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú		
Ứng trước tiền mua kết quả thăm dò mỏ đá	3.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	3.000.000.000	-

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm:

- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt sản phẩm đá cho các dự án.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: bán bột đá và đá.
- Lĩnh vực dịch vụ: tư vấn khai thác mỏ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.562.497.549	3.649.867.672	169.240.000	9.381.605.221
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.562.497.549	3.649.867.672	169.240.000	9.381.605.221
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.040.309.246	874.689.466	169.240.000	2.084.238.712
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.081.025.049)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.996.786.337)
Doanh thu hoạt động tài chính				333.346.272
Chi phí tài chính				(119.541.768)
Thu nhập khác				33.600.155
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.749.381.678)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(1.694.193.362)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				(1.977.689.585)
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.821.316.953	4.225.647.759	-	12.046.964.712
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.821.316.953	4.225.647.759	-	12.046.964.712
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.705.728.596	206.560.448	-	1.912.289.044
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.134.034.321)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.221.745.277)
Doanh thu hoạt động tài chính				310.025.970
Chi phí tài chính				2.098.800.077
Thu nhập khác				2.534.543.267
Chi phí khác				(3.611.251.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				110.372.049
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				15.117.620.993
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				2.081.314.573

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	44.845.945.989	11.881.875.973	-	56.727.821.962
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				82.000.948.254
Tổng tài sản				138.728.770.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.193.186.178	30.346.780.561	169.480.000	35.709.446.739
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.735.349.432
Tổng nợ phải trả				43.444.796.171
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.683.374.509	18.200.555.731	-	54.883.930.240
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				82.355.225.732
Tổng tài sản				137.239.155.972
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.506.457.544	29.589.802.200	-	35.096.259.744
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.109.540.505
Tổng nợ phải trả				40.205.800.249

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.483.367	-	35.483.367
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	13.822.505.655	5.702.707.779	19.525.213.434
Các khoản phải thu khác	939.293.700	3.318.495.390	4.257.789.090
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.330.000.000	3.091.709.085	9.421.709.085
Cộng	21.127.282.722	12.415.237.309	33.542.520.031
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.302.092.374	-	1.302.092.374
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	12.956.038.847	5.396.007.109	18.352.045.956
Các khoản phải thu khác	626.793.700	3.318.495.390	3.945.289.090
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.300.000.000	3.121.709.085	9.421.709.085
Cộng	21.184.924.921	12.138.536.639	33.323.461.560

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.886.996.974	-	-	1.886.996.974
Phải trả người bán	31.564.024.025	-	-	31.564.024.025
Các khoản phải trả khác	629.575.204	-	-	629.575.204
Cộng	34.080.596.203	-	-	34.080.596.203

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	2.179.278.008	-	-	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.672.900.711	-	-	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	569.591.784	-	-	569.591.784
Cộng	<u>34.421.770.503</u>	-	-	<u>34.421.770.503</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	628,45	34.065,83
Phải thu khách hàng	39.880,00	12.892,28
Phải trả người bán	(1.403.000,00)	(1.412.592,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	<u>(1.362.491,55)</u>	<u>(1.365.633,89)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 580.470.448 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 575.805.873 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	2.179.278.008	-	-	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.672.900.711	-	-	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	569.591.784	-	-	569.591.784
Cộng	<u>34.421.770.503</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.421.770.503</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ USD</u>	<u>Số đầu năm USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	628,45	34.065,83
Phải thu khách hàng	39.880,00	12.892,28
Phải trả người bán	(1.403.000,00)	(1.412.592,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	<u>(1.362.491,55)</u>	<u>(1.365.633,89)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 580.470.448 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 575.805.873 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 25.739.939 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 43.585.560 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 59.270.927 VND (cùng kỳ năm trước tăng 67.299.867 VND hoặc giảm 86.049.866) do giảm/tăng dự phòng.

Tài sản đảm bảo

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.483.367	-	1.302.092.374	-	35.483.367	1.302.092.374
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	302.325.055	(61.165.530)	302.325.055	(61.165.530)	241.159.525	241.159.525
Phải thu khách hàng	19.525.213.434	(3.745.134.967)	18.352.045.956	(2.808.813.238)	15.780.078.467	15.543.232.718
Các khoản phải thu khác	4.257.789.090	(2.218.429.750)	3.945.289.090	(1.715.544.827)	2.039.359.340	2.229.744.263
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.421.709.085	(2.634.158.768)	9.421.709.085	(2.634.167.068)	6.787.550.317	6.787.542.017
Cộng	<u>33.542.520.031</u>	<u>(8.658.889.015)</u>	<u>33.323.461.560</u>	<u>(7.219.690.663)</u>	<u>24.883.631.016</u>	<u>26.103.770.897</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	1.886.996.974	2.179.278.008	1.886.996.974	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.564.024.025	31.672.900.711	31.564.024.025	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	629.575.204	569.591.784	629.575.204	569.591.784
Cộng	34.080.596.203	34.421.770.503	34.080.596.203	34.421.770.503

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được ước tính theo xét đoán của Ban Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo báo cáo giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Mai Hồng Bàng